TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2019/HSST
Ngày: 21/03/ 2019
Về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Việt Hùng.

Các hội thẩm nhân dân: *Ông Tạ Ngọc Cư.*

Bà Phan Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa : Bà Hoàng Thị Phi Nga – Thư ký.

- Đại diện VKSND quận T tham gia phiên tòa :

Ông Lê Khắc Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2019, tại Toà án nhân dân Quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23 /2019/HSST ngày 01 tháng 03 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29 /QĐXX-HSST ngày 07 tháng 03 năm 2019 đối với bị cáo: Phạm Thị Ư- Sinh năm: 1971; ĐKTT: Tổ 18, cụm 3, phường T, quận T, thành phố H; Nơi cư trú: Bỏ trốn, sống lang thang ;Trình độ văn hóa: 2/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Phạm Văn Ú và con bà: Phạm Thị Đ; Chồng: Nguyễn Văn D; có 2 con lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995; Theo Danh chỉ bản số 88 do công an Quận T lập ngày 07 tháng 02 năm 2018 thì Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 23 ngày 05 tháng 2 năm 2018, do bị cáo bỏ trốn nên bị truy nã và bị cáo ra đầu thú và bị bắt ngày 21 tháng 12 năm 2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Anh Nguyễn Thanh T-Sinh năm 1995 – Trú tại 58 ngõ T, phường T, quận B, thành phố H (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Trung Đ-Sinh năm 1989 – Trú tại 35 , phường P, quận H, thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07h00 ngày 21.12.2017 Lê Đình Dvà bạn là Nguyễn Thanh T(Sinh năm 1995 – Trú tại 58 ngõ T, phường T, quận B, thành phố H), đang ở nhà bạn là Nguyễn Văn H (Sinh năm 1995 – Trú tại số 26 ngách 76/35 An D, phường T, quận T, TP. H), thì D mượn xe máy BKS 29.D1-95870 của T nói là để đi về nhà một lúc rồi quay lại trả. Nhưng trên đường về nhà, đến gần cửa khẩu An D (phường Y, quận T) thì nảy sinh ý định đem xe đi đặt để lấy tiền tiêu sài. Lê Đình Dmang xe đến nhà, viết giấy bán cho Lưu Tuấn H(Sinh năm 1983 – Trú tại số 131A ngõ 127 tổ 2, phường T, quận L, thành phố H), được 9.000.000đ (chín triệu đồng), sau đo ăn tiêu hết.

Lưu Tuấn Hkhông biết chiếc xe máy nêu trên là do Lê Đình Dphạm tội mà có, vì D trao đổi và viết giấy bán xe cho Hồng đều thể hiện là xe của D do bố mẹ đang giữ giấy tờ xe nên chưa đưa đăng ký xe cho Hồng được mà sẽ đưa vào ngày hôm sau, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Kết thúc điều tra vụ án, anh Lưu Tuấn Hkhông yêu cầu gì về dân sự đối với Lê Đình D.

Khoảng trưa ngày 21.12.2017 thì T đòi xe, nhưng Lê Đình Dnói đã đặt xe, đang lo tiền chuộc. Khoảng 18h30 cùng ngày, Lê Đình Dđến gặp Phạm Thị Ư(Sinh năm 1971 – Là mẹ của H, H là bạn của D) tại nơi bán hàng của Phạm Thị Ưphố Hàng Than, H. Lê Đình Dnói với Phạm Thị Ưvay chín triệu đồng để đi chuộc xe máy về, sau đó xin tiền gia đình trả lại cho Phạm Thị Ư. Phạm Thị Ưđồng ý cho vay và yêu cầu chuộc xe về phải giao lại cho Phạm Thị Ưcầm cố, khi nào trả tiền thì mới được lấy xe. Lê Đình Dchuộc xe từ Hồng rồi giao lại cho Phạm Thị Ư, nhưng sau đó cũng không có tiền chuộc xe để trả cho T.

Đến ngày 23.12.2017 chủ đăng ký và sở hữu chiếc xe máy BKS 29.D1-95870 là Anh Phạm Trung Đ(Sinh năm 1989 – Trú tại 35 T, phường P, quận H, thành phố H) là người cho T mượn, đòi xe không được đã cùng với T ra công an phường T trình báo. Công an đã thu giữ được chiếc xe máy nêu trên từ Phạm Thị Ư.

Ngày 29.12.2017 cơ quan cảnh sát điều tra-Công an quận T đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản chiếc xe máy Piagio Zip 29.D1-95870, ngày 30.12.2017 Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự-UBND quận T kết luận chiếc xe máy nêu trên có trị giá 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng).

Tại Cơ quan điều tra Lê Đình D, khai nhận tội, lời khai của Lê Đình Dlà phù hợp với lời khai nhân chứng, người liên quan, người bị hại, và các tài liệu đã thu thập được. Phạm Thị Ưkhai biết rõ việc D đã mượn rồi đi đặt xe máy của người khác lấy tiền ăn tiêu, không chuộc được xe về để trả. Ưng cho D vay tiền để đi chuộc về, Ưng

phải giữ chiếc xe máy khi nào Lê Đình Dcó tiền trả thì Ưng mới trả xe. Ưng cho rằng hành vi của Ưng là không phạm tội như đã bị khởi tố, điều tra.

Chiếc xe máy BKS 29.D1-95870, qua xác minh chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Trung Đ, nên ngày 20.04.2018 Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an quận T đã ra quyết định xử lý lý vật chứng trao trả cho anh Đ, anh Đ đã nhận lại và không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Phạm Thị Ukhông yêu cầu Lê Đình Dphải trả lại 9.000.000 đồng đã cho D vay chuộc xe. Tại bản án số 194/2018/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận T đã xử lý buộc bị cáo Lê Đình Dphải truy nộp để sung công quĩ nhà nước.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 26/2/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố bị cáo Phạm Thị Uphạm tội: " Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999. Sau khi nhận cáo trạng truy tố, khi Tòa án nhân dân Quận T triệu tập thì Phạm Thị Ubỏ trốn nên ngày 18.07.2018 Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Phạm Thị Ư.

Ngày 24.12.2018, Tòa án nhân dân Quận T mở phiên tòa xét xử đối với Lê Đình Dvà tuyên phạt Lê Đình Dvới mức án 15 tháng tù.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, Phạm Thị Ư đã ra đầu thú tại Công an Quận H, H. Ngày 27 tháng 12 năm 2018 Cơ quan cảnh sát điều tra công an Quận T đã phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với Phạm Thị Ư. Tại cơ quan điều tra Phạm Thị Uvẫn khai nhận tội như trên. Cơ quan điều tra cũng xác định được, quá trình bỏ trốn, Phạm Thị Ukhông có hành vi vi phạm pháp luật hoặc phạm tội mới.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND quận T giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 250; điểm h, p khoản 1 điều 46, điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Phạm Thị Ư từ đến 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không xét.

Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo Phạm Thị Ư xác định có tội, ăn năn hối cải xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, qua xét hỏi và tranh luận bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai nhân chứng, phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Ngày 21.12.2017, Lê Đình Dđã mượn chiếc xe máy BKS 29.D1-95870 (có trị giá 25.000.000 đồng) đứng tên chủ sở hữu của Anh Phạm Trung Đsau đó viết giấy bán cho anh Lưu Tuấn Hlấy 9.000.000 đồng(chín triệu đồng), sau đó ăn tiêu hết. Bị án Lê Đình Dlợi dụng sự tin tưởng của người khác khi giao tài sản cho mình sau đó bị cáo đã chiếm đoạt tài sản với động cơ và mục đích để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Sau khi Lê Đình Dđã bán xe cho Lưu Tuấn Hồng, không có tiền chuộc xe về để trả cho anh Phạm Trung Đ, Phạm Thị Uđã biết xe máy không phải của D, biết D đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng sau đó đã đưa tiền cho D để D đi chuộc xe về nhưng không phải với mục đích là trả cho người bị hại mà buộc D phải giao xe cho mình và bị cáo giữ chiếc xe trên trong thời gian 2 ngày cho đến khi cơ quan điều tra xử lý hành vi phạm tội của Lê Đình Dthì bị cáo mới giao nộp. Như vậy, đã đủ cơ sở để khẳng định Phạm Thị Uphạm tội " Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có". Căn cứ nghị quyết 41/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, trường hợp phạm tội của bị cáo xảy ra trước khi bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng bộ luật hình sự năm 1999 vì có lợi cho bị cáo nên bị cáo Phạm Thị Ubị áp dụng tội danh và hình phạt được qui định tại khoản 1 điều 250 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội nên việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, có tính chất răng đe và phòng ngừa chung.

[3]Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự tuy nhiên khi được cơ quan điều tra cho áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú thì bị cáo không chấp hành mà bỏ trốn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cơ quan điều tra đã phải truy nã nên phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử có xem xét đến trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị Ukhai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm h,p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự.

[5]Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì khác và đã được quyết định tại bản án số 194/2018/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận T

[6]Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 9 triệu đồng,tại bản án số 194/2018/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận T đã buộc bị cáo Lê Đình Dtruy nộp số tiền này để sung công quĩ nhà nước. Vì vậy, không xem xét trong vụ án này.

[7]Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8]Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Phạm Thị U**phạm tội: " Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật hình sự số 12/2017/QH14.

-Áp dụng khoản 1 điều 250, điểm h,p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

-Áp dụng điều 329; điều 331; điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị Ư 08 (tám)** tháng tù, thời hạn tù tính từ 21 tháng 12 năm 2018.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì khác và đã được quyết định tại bản án số 194/2018/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận T

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 9 triệu đồng đã được quyết định tại bản án số 194/2018/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận T.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan(vắng mặt) có quyền kháng cáo đối với phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận T;
- THADS quận T ;
- Công an quận T;
- TAND thành phố H
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

TRẦN VIỆT HÙNG